

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TỐT NGHIỆP

Môn: **CHÍNH TRỊ - Khối Trung cấp nghề Khóa 15NQ1A-D**

Câu 1: Cơ sở khách quan và nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

1.1 Cơ sở khách quan của thời kỳ quá độ:

- Ngay từ khi thành lập Đảng, Đảng ta đã xác định lựa chọn con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Đảng Cộng sản kiên trì chủ nghĩa Mác và giữ vai trò là Đảng cầm quyền.
- Giai cấp công nhân liên minh với giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức.
- Chính quyền dân chủ cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
- Có sự ủng hộ, giúp đỡ của giai cấp công nhân ở các nước tiên tiến.

1.2 Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh 1991):

- Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh công – nông – trí thức làm nền tảng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Phát triển lực lượng sản xuất bằng cách tiến hành CNH – HĐH đất nước theo hướng hiện đại gắn với phát triển nông nghiệp toàn diện.

- Xác lập quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất từ thấp đến cao.
- Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội.
- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.
- Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.
- Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh.

1.3 Con đường xã hội chủ nghĩa ở nước ta:

• Đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam:

Theo quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam được sửa đổi bổ sung vào ĐH lần thứ XI (2011), CNXH bao gồm 8 đặc trưng cơ bản sau đây:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và lực lượng sản xuất hiện đại.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được thoát khỏi ách áp bức bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp nhau cùng tiến bộ.
- Có nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

• Một số phương hướng cụ thể:

- Tiếp tục hoàn thiện và nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta.
 - Đẩy mạnh CNH – HDH gắn với phát triển kinh tế tri thức.
 - Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục – đào tạo.
 - Kết hợp các mục tiêu kinh tế và các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, từng lĩnh vực, từng địa phương.
 - Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng văn hóa Việt Nam.
 - Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh.
 - Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình hợp tác và phát triển. Đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại.
 - Liên minh công – nông – tri thức trong khối đại đoàn kết dân tộc.
 - Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới.
 - Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh. Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Câu 2: Cơ sở khách quan và tầm quan trọng của phát triển kinh tế và nội dung hoàn thiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Liên hệ sự phát triển kinh tế thị trường ở địa phương em hiện nay.

2.1 Cơ sở khách quan và tầm quan trọng của phát triển kinh tế:

- Căn cứ vào quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin cho rằng: vật chất quyết định ý thức, cái quyết định thắng lợi của xã hội này đối với xã hội khác là có nền kinh tế.
- Chúng ta đang trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa, có nhiều thuận lợi cho việc phát triển kinh tế.
- Do ảnh hưởng của nền kinh tế lạc hậu trong lịch sử nên chất lượng phát triển kinh tế - xã hội và năng lực cạnh tranh của nước ta còn kém, tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta còn thấp so với các nước trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa.
- Chưa đảm bảo tăng trưởng kinh tế gắn liền với công bằng và tiến bộ xã hội.
- Chỉ có việc lấy kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm mới có khả năng đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn và từng bước phát triển.
- Thời đại ngày nay, với tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hóa tăng lên đã tạo điều kiện cho các nước chậm phát triển có điều kiện tiến lên.

2.2 Nội dung hoàn thiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

- **Nâng vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường.**
 - Đảm bảo thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.
 - Phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.
 - Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng chính sách phát triển kinh tế.
 - Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong vai trò điều tiết, quản lý nhà nước về kinh tế.
- **Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước.**
 - Nhà nước đưa ra các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, và cơ chế trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc thị trường.
 - Tạo sự thuận lợi trong việc ban hành các chính sách, văn bản luật nhằm phát huy nguồn lực của xã hội cho sự phát triển.
 - Xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật, hạ tầng.
 - Thực hiện việc quản lý của nhà nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách.
 - Tiếp tục đổi mới chính sách tài chính và tiền tệ, đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của nền kinh tế.
- **Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh.**
 - Phát triển thị trường hàng hóa và dịch vụ.
 - Phát triển vững chắc thị trường tài chính bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ.
 - Phát triển thị trường bất động sản, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất.
 - Phát triển thị trường lao động trong mọi khu vực kinh tế.
 - Phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách.
- **Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh.**
 - Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
 - Xóa bỏ sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu.
 - Xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam có thương hiệu, uy tín, đủ sức cạnh tranh.
 - + Tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.
 - + Đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể.
 - + Phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân.
 - + Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài.

→ Liên hệ sự phát triển kinh tế thị trường ở địa phương em hiện nay...

Câu 3: Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng (Liên hệ thực tiễn đối với từng nội dung trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh)

3.1. Khái niệm:

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng:

+ Đạo đức là cái gốc của người cách mạng.

- Người nhân mạnh giữa đức và tài thì đức là cái giữ vai trò chủ đạo. đức là cái tâm trong sáng, lối sống vì dân tộc, vì mọi người.

- Việc bồi dưỡng đạo đức và lý tưởng cách mạng cho đời sau là việc rất quan trọng và cần thiết.

+ Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất quan trọng nhất của đạo đức cách mạng.

- Phát huy bản chất dân chủ.

- Mỗi cán bộ phải kính dân, lấy dân làm gốc và phấn đấu hết lòng vì dân.

- Việc gì có lợi cho dân thì phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh.

+ Đạo đức cách mạng là phải hết lòng yêu thương con người.

- Con người là vốn quý nhất, làm người trong đời thì cần phải biết thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ.

- Người giáo dục con người phải biết nhìn nhận những sai lầm khuyết điểm để sống tốt hơn.

- Ham muốn tột bậc của Người là nước ta được độc lập, dân ta được hạnh phúc, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

+ Cốt lõi của đạo đức cách mạng là cần, kiệm, liêm, chính

- Nội dung của cần, kiệm, liêm, chính...

- Theo Hồ Chí Minh, mọi người cần phải Cần, Kiệm, Liêm, nhưng còn phải Chính mới là người tốt hoàn toàn.

- Cần Kiệm, Liêm Chính liên quan chặt chẽ với nhau và gắn với chí công vô tư, thiếu một mặt nào đó thì không thể trở thành người có đạo đức cách mạng.

+ Đạo đức cách mạng là có tinh thần quốc tế trong sáng.

- Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước dân chủ.

- Đoàn kết các đảng và các nước anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản có lý có tình.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về chuẩn mực đạo đức cách mạng.

- Đạo đức của mỗi công dân là có quyền lợi làm chủ, tuân theo pháp luật, kỷ luật, giữ trật tự chung, thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước.

- Đạo đức của Đảng viên: kiên quyết làm đúng theo chính sách, nghị quyết của Đảng, gương mẫu với quần chúng, hết lòng phục vụ nhân dân.

- Đạo đức của lực lượng vũ trang là trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì độc lập tự do của Tổ Quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

- Đạo đức của người công an cách mạng: Đối với mình, phải cần kiệm liêm chính. Đối với đồng sự, phải than ái giúp đỡ. Đối với chính phủ, phải tuyệt đối trung thành. Đối với nhân dân, phải kính trọng lề phép. Đối với công việc phải tận tụy. Đối với địch phải cương quyết khôn khéo.

- Đạo đức của thanh niên: đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên.

- Đạo đức của phụ nữ là góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Đạo đức của thiếu niên nhi đồng: yêu Tổ Quốc, yêu đồng bào; học tập tốt, lao động tốt; đoàn kết tốt, kỷ luật tốt; giữ gìn vệ sinh thật tốt; khiêm tốn thật thà dũng cảm.

+ Hồ Chí Minh về con đường, phương pháp rèn luyện đạo đức.

- Hồ Chí Minh coi rèn luyện đạo đức là một quá trình thường xuyên, phải rèn luyện suốt đời.

- Rèn luyện đạo đức là một việc làm rất gian khổ, phải xác định tư tưởng, kiên trì, tự giác, tự nguyện, đề cao tinh thần phê bình và tự phê.

- Xây dựng đạo đức cách mạng phải gắn liền với việc chống lại chủ nghĩa cá nhân.

Câu 4: Đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

4.1. Quan điểm cơ bản:

- Rút ngắn quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra.
- Phát triển các ngành và các sản phẩm kinh tế có trị giá tăng cao.
- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế.

4.2. Định hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa gắn liền với phát triển kinh tế tri thức.

- a. Đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông hthoán và nông dân.
- b. Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.
- c. Phát triển kinh tế vùng.
- d. phát triển kinh tế biển.
- đ. Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ.
- e. Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên.

4.3. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

- a. Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi các nước ở từng lĩnh vực, từng địa phương.
- b. Khuyến khích mọi người làm giàu theo luật pháp.
- c. Xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống chính sách đảm bảo xã hội.
- d. Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả.
- đ. Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và nâng cao chất lượng giống nòi.
- e. Thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.
- f. Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội.
- g. Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

→ Quán triệt tư tưởng của Đảng là phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, mỗi địa phương, ngành nghề, người lao động làm hết sức thi đua làm giàu hợp pháp cho bản thân, gia đình và cho đất nước.

Câu 5: Quá trình hình thành và phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam.

5.1. Sự hình thành giai cấp công nhân Việt Nam.

- Sự ra đời của giai cấp công nhân gắn liền với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp (1897 – 1914).
- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp công nhân tăng khá nhanh, đa số họ đều xuất thân từ giai cấp nông dân, thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ,...
- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc, họ có quan hệ tự nhiên, gắn bó với nông dân và nhân dân lao động, kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc là sự đoàn kết.
- Bước đánh dấu của phong trào công nhân Việt Nam từ cuộc bãi công của công nhân xưởng máy Ba Son (8 – 1925) do Tôn Đức Thắng lãnh đạo thắng lợi.
- Sự ra đời ba tổ chức cộng sản và sự hợp nhất thành Đảng cộng sản Việt Nam đã khẳng định giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

5.2. Đặc điểm và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.

- Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam: một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp, hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.
- Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam: là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiến tiến; giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh; lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công – nông – trí thức.

Câu 6: Những truyền thống tốt đẹp và thực trạng của giai cấp công nhân Việt Nam.

6.1. Những truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam.

- Giai cấp công nhân Việt nam là trung tâm của đoàn kết dân tộc.
 - Giai cấp công nhân Việt Nam sớm giành được và giữ vững vai trò lãnh đạo duy nhất của mình đối với cách mạng.
 - Truyền thống giữ vững độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- => Quý trọng, giữ gìn và kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam là niềm tự hào, là động lực lớn và trách nhiệm của mỗi chúng ta hôm nay.

6.2 Thực trạng giai cấp công nhân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển, bao gồm những người lao động chân tay và lao động trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh và dịch vụ có tính chất công nghiệp.

- Qua hơn 20 năm đổi mới, cùng với quá trình CNH – HĐH đất nước, giai cấp công nhân nước ta đã có những chuyển biến quan trọng, tăng nhanh về số lượng, đa dạng về cơ cấu, chất lượng đã nâng lên, hình thành đồng đảo bộ phận công nhân trí thức, đang tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo cách mạng thông qua Đảng cộng sản.

- Giai cấp công nhân đã đóng góp to lớn vào quá trình phát triển của đất nước, là cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho Đảng và Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Sự phát triển của giai cấp công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng, cơ cấu và trình độ học vấn chuyên môn, kỹ năng, nghề nghiệp của sự nghiệp CNH – HĐH đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Còn một bộ phận công nhân chậm thích nghi với cơ chế thị trường, giác ngộ giai cấp. Không đồng đều, còn hạn chế kiến thức về chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Lợi ích của một bộ phận công nhân chưa được hưởng tương xứng với những thành tựu của công cuộc đổi mới và những đóng góp của chính mình; việc làm, đời sống vật chất, tinh thần của công nhân còn gặp nhiều khó khăn, bức xúc.

→ Một số nguyên nhân của thực trạng trên:

- Quá trình đổi mới, phát triển kinh tế đã mở ra một giai đoạn lịch sử mới trong sự phát triển của giai cấp công nhân.

- Những khuyết điểm, yếu kém còn tồn tại trong sự phát triển kinh tế xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc làm, tư tưởng và tình cảm của giai cấp công nhân.

- Đảng có chú trọng đến giai cấp công nhân nhưng sự quan tâm của Đảng chưa đầy đủ, chưa ngang tầm với vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong thời kỳ mới.

- Nhiều chính sách, pháp luật ban hành để xây dựng giai cấp công nhân nhưng vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế.

- Bản thân của giai cấp công nhân cũng nỗ lực vươn lên nhưng chưa thể đáp ứng đầy đủ những yêu cầu của sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

- Các doanh nghiệp và người sử dụng lao động thuộc các thành phần kinh tế đóng góp nhiều vào việc thu nhập cho công nhân, nhưng không ít trường hợp còn vi phạm chính sách, pháp luật đối với người lao động.

→ **Liên hệ thực tiễn giải cấp công nhân Việt Nam hiện nay.**

Duyệt của khoa KHCB-KT

Trưởng khoa

Nguyễn

Nguyễn Xuân Nguyên

Giáo viên bộ môn

M
Chân Ngọc Dre

H
Khoa Hoa